TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2019
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Kim Thị Ngọc Thu -

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Lâm Vuông

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Bảo Trân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành:*** không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐ-ST ngày 15/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh Thanh T, sinh năm 1994(có mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh H, sinh năm 1986 (vắng)

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Lê Thị Thanh Thanh T là nguyên đơn trình bày: chị với anh Lê Minh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh V. Sau khi cưới chị về sống bên nhà cha mẹ chồng được khoản 03 ngày, thì chị với anh H lên Thành phố H làm công nhân. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc,

nhưng sau đó anh H đam mê cờ bạc, không lo chí thú làm ăn, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi, từ đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cải nhau, nên hai người ly thân nhau cách nay hơn một năm. Xét thấy không thể hòa hợp được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Minh H.

Về con chung: không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Thanh Thanh T không sửa đổi bổ sung và không rút yêu cầu, giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Lê Minh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định;

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Về hình thức: Chị Lê Thị Thanh Thanh T với anh Lê Minh H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh V, là hôn nhân tự nguyện. Nay phát sinh mâu thuẫn, chị Lê Thị Thanh Thanh T có đơn ly hôn với anh Lê Minh H. Xét tư cách khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Thanh Thanh T và anh Lê Minh H kết hôn với nhau do quen biết và tìm hiểu trước và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013. Quá trình chung sống chị với anh H hạnh phúc được thời gian ngắn, anh H thường đam mê cờ bạc (chơi geam cá), không lo chí thú làm ăn, từ đó dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng. Đến năm 2018 hai người ly thân nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Đối với anh Lê Minh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ cho người thân của anh H các văn bản tố tụng nhiều lần và cam kết giao tận tay cho anh H nhưng anh H đều

vắng mặt không lý do. Thể hiện anh không có biểu hiện, động thái tích cực nào để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với anh, anh không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T với anh H không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị Lê Thị Thanh Thanh T được ly hôn với anh Lê Minh H theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Chị Lê Thị Thanh Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh Thanh T.

1. Xử cho chị Lê Thị Thanh Thanh T được ly hôn với anh Lê Minh H.

2. Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết. 3. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003190, ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T, nên chị T không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được nêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi đương sự cư trú để xin Toà án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh T.
- VKSND huyện C.
- CCTHADS huyện C.
- UBND thị trấn L
Huyện L, V;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Kim Thị Ngọc Thu